**(BỘ SÁCH CÁNH DIỀU)**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS HỒNG AN**  ------------ | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  **Môn Ngữ văn 6 (Thời gian: 90 phút)**  -------------------------------- |

**A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức / kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện dân gian (truyền thuyết, cổ tích)..  Thơ | **3TN** | **5TN** | **2TNTL** |  | **60%** |
| Hồi kí hoặc du kí |
| Văn nghị luận |
| Văn bản thông tin |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | 1TL\* | 1TL\* | 1TL\* | 1TL\* | 40% |
| Kể lại một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích. |
| **Tổng** | | | ***2.0*** | ***4.0*** | ***3.0*** | ***1.0*** |  |
| **Tỉ lệ %** | | | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | **40%** | | **100%** |

**B. BẢN MÔ TẢ ĐỀ KIỂM TRA NGỮ VĂN 6 CUỐI HỌC KỲ 1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức / Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** |
| **1** | **Đọc hiểu** | 1. Truyện dân gian (truyền thuyết, cổ tích). | **Nhận biết:**  - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật.  - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.  - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu trong văn bản.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua ngoại hình, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.  - Nêu được chủ đề của văn bản.  - Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ văn bản gợi ra.  - Trình bày được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản. |
| 2. Thơ lục bát  3. Hồi kí hoặc du kí | Nhận biết:  - Nêu được ấn tượng chung về văn bản.  - Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của bài thơ lục bát.  - Nhận diện được các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.  - Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm; các biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ.  Thông hiểu:  - Nêu được chủ đề của bài thơ, cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ.  - Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.  - Chỉ ra tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.  Vận dụng:  - Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản.  - Đánh giá được giá trị của các yếu tố vần, nhịp  Nhận biết:  - Chỉ ra được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, dựng chân dung con người trong kí.  - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất trong kí.  - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu.  Thông hiểu:  - Nêu được chủ đề của văn bản.  - Phân tích được tác dụng của giọng kể, ngôi kể, cách ghi chép về con người, sự việc.  - Phân tích, lí giải được vai trò của cái người kể chuyện, người quan sát ghi chép trong hồi kí hoặc du kí.  - Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.  Vận dụng:  Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản. |
| 4. Văn nghị luận | **Nhận biết:**  - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.  - Nhận biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được các nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.  - Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra được những bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ nội dung văn bản.  - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình/ đồng tình một phần với những vấn đề được đặt ra trong văn bản. |
|  | 5 Văn bản thông tin | **Nhận biết:**  - Nhận biết được các chi tiết trong văn bản.  - Nhận biết được cách thức mô tả vấn đề, tường thuật lại sự kiện trong văn bản thông tin.  - Nhận biết được cách triển khai văn bản thông tin theo trật tự thời gian và theo quan hệ nhân quả.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu.  **Thông hiểu:**  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản.  - Tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn trong một văn bản thông tin có nhiều đoạn.  - Trình bày được tác dụng của nhan đề, sa pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự và dấu đầu dòng trong văn bản.  - Trình bày được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản thuật lại một sự kiện với mục đích của nó.  - Giải thích được vai trò của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (hình ảnh, số liệu,...).  - Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra được những bài học từ nội dung văn bản.  - Đánh giá được giá trị của thông tin trong văn bản hoặc cách thức truyền tải thông tin trong văn bản. |
| **2** | **Viết/ Tạo lập văn bản** | 1. Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; sử dụng ngôi kể thứ nhất để chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. |
| 2. Kể lại một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại một truyền thuyết hoặc cổ tích. Có thể sử dụng ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba, kể bằng ngôn ngữ của mình trên cơ sở tôn trọng cốt truyện của dân gian. |

**C. ĐỀ BÀI:**

**I. PHẦN ĐỌC - HIỂU (6.0 ĐIỂM):**

Đọc đoạn thơ và trả lời câu hỏi:

*Việt Nam đất nước ta ơi*

*Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn*

*Cánh cò bay lả dập dờn*

*Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều.*

*Quê hương biết mấy thân yêu*

*Bao nhiêu đời đã chịu nhiều thương đau*

*Mặt người vất vả in sâu*

*Gái trai cũng một ảo nâu nhuộm bùn.*

*Đất nghèo nuôi những anh hùng*

*Chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên*

*Đạp quân thù xuống đất đen*

*Súng gươm vứt bỏ lại hiền như xưa.*

(Nguyễn Đình Thi, Việt Nam quê hương ta)

**1. (0,5 điểm) Đoạn trích trên được viết theo thể thơ nào?**

A. Thể thơ lục bát.

B. Thể thơ sáu chữ.

C. Thể thơ tám chữ.

D. Thể thơ tự do.

**2. ( 0,5 điểm)Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là gì?**

A. Tự sự.

C. Biểu cảm.

B. Miêu tả.

D. Nghị luận.

**3. ( 0,5 điểm) Chủ đề của đoạn trích trên là gì?**

A. Tình cảm gia đình.

B. Tình yêu quê hương đất nước, con người.

C. Truyền thống văn hóa dân tộc.

D. Đấu tranh xây dựng đất nước.

**4. 9 0,5 điểm) Từ nào sau đây không cùng loại với các từ còn lại?**

A. Đất nước.

B. Quê hương.

C. Thương đau.

D. Gái trai.

**5.( 0,5 điểm) Trường hợp nào sau đây không phải là từ ghép?**

A. Con ve

B. Đất nước

C Quê hương

D. Dập dờn.

**6. (0,5 điểm)Câu thơ “ Đất nghèo nuôi những anh hùng” sử dụng biện pháp tu từ nào?**

A. Nhân hóa

B. So sánh

C Ẩn dụ

D. Nhân hóa, ẩn dụ

**7.(0,5 điểm) Trong câu thơ “ Súng gươm vứt bỏ lại hiền như xưa” tác giả sử dụng biện pháp tu từ nào?**

A. So sánh

B. Hoán dụ

C. Điệp ngữ

D. Thành ngữ

**8. (0,5 điểm) Vê đẹp của đất nước hiện lên qua đoạn thơ là vẻ đẹp như thế nào?**

A. Bình dị

B. Trù phú

C. Con người cần cù, gan dạ , thủy chung.

D. Cả A,B,C đều đúng

**9.**(1,0 điểm). Cảm nhận của em về vẻ đẹp của đất nước, con , người Việt Nam trong đoạn thơ trên (viết khoảng 4-5 dòng).

10. ( 1.0 điểm) . Thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm đến người đọc qua đoạn thơ là gì?

**II. PHẦN VIẾT (4.0 ĐIỂM):**

Kể về một cuộc gặp gỡ xúc động mà em từng chứng kiến hoặc trải qua.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA NGỮ VĂN 6 CUỐI HỌC KÌ I**

**Phần I: Đọc hiểu (6,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **1** | A | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
| **9** | - Hình thức: 1 đoạn văn khoảng 4 -5 dòng.  Cảm nhận của em về vẻ đẹp của đất nước, con người Việt Nam  trong đoạn thơ. Đó là  - Vẻ đẹp bình dị, ẩm no, trù phú của đất nước.  - Vẻ đẹp về phẩm chất của những con người trung hậu, đảm đang. son sắt thủy chung, cần cù lam lũ, gan dạ trong chiến đấu mà hiền hành trong đời thường. | 1,0 |
| **10** | Yêu quê hương đất nước , yêu con người  Tự hào về truyền thống của quê hương | 1,0 |

**Phần II. Viết (4,0 điểm)**

**Biểu điểm :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Cấu trúc bài văn (0,5 điểm)** | | |
| **Điểm** | **Mô tả tiêu chí** | **Ghi chú** |
| **0,5** | Bài viết đủ 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài. Phần thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn có sự liên kết chặt chẽ | - **Mở bài**: Giới thiệu trải nghiệm  - **Thân bài**: Kể lại diễn biến của trải nghiệm  - **Kết bài**: Kết thúc trải nghiệm và cảm xúc của người viết |
| **0,25** | Bài viết đủ 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài nhưng thân bài chỉ có một đoạn |
| **0,0** | Chưa tổ chức được bài văn thành 3 phần (thiếu mở bài hoặc kết bài, hoặc cả bài viết là một đoạn văn) |
| **2. Nội dung (2,0 điểm)**  **Kể về một cuộc gặp gỡ xúc động** | | |
| **Điểm** | **Mô tả tiêu chí** | **Ghi chú** |
| **2,0**  **(Mỗi ý trong tiêu chí được tối đa 0,5 điểm)** | - Lựa chọn và giới thiệu được câu chuyện có ý nghĩa, phù hợp với yêu cầu của đề. Giới thiệu được thời gian, không gian, hoàn cảnh xảy ra cuộc gặp gỡ. Dùng ngôi kể thứ nhất trong toàn câu chuyện.  - Sự việc được kể phong phú, trình bày cụ thể, rõ ràng theo trình tự hợp lí và kể cụ thể các chi tiết những nhân vật có liên quan.  - Sử dụng được các chi tiết miêu tả cụ thể về thời gian, không gian, nhân vật,...và cảm xúc của người viết trước sự việc được kể.  - Nêu được ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân. | *Bài văn có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần thể hiện được những nội dung sau:*  - Đó là câu chuyện gì? Xảy ra khi nào? Ở đâu?  - Những ai có liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói và làm gì?  - Điều gì đã xảy ra? Theo thứ tự nào?  - Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy?  - Thời gian, không gian, nhân vật,... cần miêu tả?  - Cảm xúc của em khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại câu chuyện?  - Rút ra được ý nghĩa của trải nghiệm với bản thân. |
| **1,0-1,75** | - Lựa chọn được câu chuyện để kể nhưng ý nghĩa chưa cao. Giới thiệu được sơ lược về không gian, thời gian, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện. Ngôi kể đôi chỗ còn chưa nhất quán trong toàn câu chuyện.  - Các sự việc được trình bày theo trình tự hợp lí nhưng đôi chỗ chưa chặt chẽ. Có đề cập đến những nhân vật liên quan.  - Có miêu tả và nêu được cảm xúc nhưng miêu tả chưa cụ thể và cảm xúc thiếu chân thực hoặc còn gượng ép.  - Có nêu được ý nghĩa của trải nghiệm nhưng tính thuyết phục chưa cao. |
| **0,5 -0,75** | - Biết lựa chọn câu chuyện để kể nhưng nội dung chưa cụ thể, rõ ràng.  - Các sự việc, chi tiết còn rời rạc, chưa thể hiện được sự logic về nội dung.  - Thiếu yếu tố miêu tả và cảm xúc.  - Dùng ngôi kể thứ nhất nhưng nhiều chỗ chưa nhất quán trong toàn câu chuyện hoặc chưa biết dùng ngôi kể thứ nhất để kể. |
| **0,0** | Bài làm quá sơ sài hoặc không làm bài |
| **3. Diễn đạt, trình bày (1,0 điểm)** | | |
| **Điểm** | **Mô tả tiêu chí** |  |
| **0,75-1,0** | - Vốn từ ngữ phong phú, kiểu câu đa dạng, đảm bảo sự logic giữa các câu, các đoạn trong bài văn. Mắc vài lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.  - Chữ viết cẩn thận, rõ ràng, bài văn trình bày sạch sẽ, ít gạch xóa... | |
| **0,25-0,5** | - Mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.  - Chữ viết không rõ ràng, khó đọc, bài văn trình bày chưa sạch sẽ... | |
| **4. Sáng tạo (0,5 điểm)** | | |
| **Điểm** | **Mô tả tiêu chí** | |
| **0,5** | Có sáng tạo trong cách kể chuyện và diễn đạt | |
| **0,25** | Có thể hiện được sự sáng tạo nhưng chưa đậm nét. | |
| **0,0** | Chưa có sự sáng tạo | |